TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 26/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố TN, ngày 21 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 684/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kim N, sinh năm 1973;

Trú tại: Ấp TT, xã TT, thành phố TN, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Anh Trần Hùng T, sinh năm 1974;

Trú tại: Đường 785, ấp TT, xã TT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim N và anh Trần Hùng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim N và anh Trần Hùng T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Kim N, sinh năm 1995 và Trần Tấn S, sinh năm 2011. Cháu N đã trưởng thành không yêu cầu Toà án giải

quyết; chị N và anh T thống nhất giao cháu S cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh T cấp dưỡng nuôi cháu S mỗi tháng 1.500.000 đồng, bắt đầu từ tháng 02-2020 cho đến khi cháu S thành niên.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N, anh T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kim N và anh Trần Hùng T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N tự nguyện nộp thay anh T 75.000 đồng tiền án phí.

Về án phí cấp dưỡng: Anh T phải chịu 150.000 đồng. Ghi nhận chị N tự nguyện chịu thay anh T 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tổng cộng chị N phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002015 ngày 09-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không chịu trả số tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng anh T còn phải trả cho chị N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thái Thanh Thủy